

Số: 47/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ vào khoản 2 điều 149, điều 212, điều 213 và khoản 4 điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 điều 6 và khoản 3 điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 3, khu C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 24, tổ 4, khu 5B, phường C1, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 18-01-2018, nên hôn nhân giữa anh T và chị L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh T và chị L chung sống hạnh phúc đến ngày 20-01-2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh T và chị L đã sống ly thân từ ngày 20-01-2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T và chị L đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L. Xét thấy, việc anh T và chị L thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim L thỏa thuận anh T và chị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa anh T và chị L là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim L thỏa thuận anh T và chị L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa anh T và chị L là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim L thỏa thuận anh T có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 điều 6 và khoản 3 điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 21-4-2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim L thỏa thuận anh T và chị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim L thỏa thuận anh T và chị L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim L thỏa thuận anh T và chị L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim L thỏa thuận anh T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0000606 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Anh T, chị L;
- VKSND TP. H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND phường Đ, TP. H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga